



Ngọn Đèn Dầu Trong Góc Khuất

T. Nguyễn

Ở thành phố London, Ontario, có một hội trường nhỏ sát bờ sông Thames, mỗi tuần mở cửa một lần cho mấy người già Việt Nam tới ngồi với nhau. Căn phòng lúc nào cũng ấm hơn ngoài trời, dù mùa đông hay mùa hạ, bởi mùi trà nóng, mùi dầu gió xanh quen thuộc tỏa ra từ vạt áo của những người già xa xứ, và những câu chuyện quen như gió thổi qua hàng dừa quê cũ.

Ông và bà quen nhau ở đó. Ông ngoài bảy mươi, quê miền Tây, lưng đã còng nhẹ như cây tre già sau nhiều mùa gió. Vợ ông mất mười năm trước, một buổi sáng mùa thu, đi nhẹ như chiếc lá rụng không kịp báo. Từ đó, căn nhà nhỏ của ông chỉ còn tiếng đồng hồ treo tường và tiếng tuyết cào vào cửa sổ mỗi khi đông về. Ông đến Canada vài năm sau miền nam sụp đổ, ông làm nghề lao động cho đến khi về hưu nên đời sống kinh tế hơi bị eo hẹp. Bà cũng ngoài bảy mươi, tóc bạc gọn gàng, giọng Huế ấm áp. Bà đang ở với đứa con trai và gia đình của nó, khá giả nhờ kinh doanh, sáng lo bữa ăn, chiều đưa đón, nhà lúc nào cũng có người, nhưng đông người không có nghĩa là không trống. Có những nỗi cô đơn không nói ra được.

Họ quen nhau vì được sắp chung nhóm “thất thập niên”. Ban đầu chỉ là gật đầu chào, rồi vài câu hỏi thăm sức khỏe. Sau quen dần, mỗi tuần gặp lại, họ bắt đầu kể cho nhau nghe những chuyện nhỏ nhặt: ông kể mùa thu năm nay đến sớm, cây phong trước nhà chuyển màu quá đẹp; bà kể cháu nội mới biết nói, gọi bà bằng giọng còn ngọng nghịu. Những chuyện không lớn, nhưng đủ để lấp đầy khoảng trống của một ngày cuối tuần ấm áp.

Ông hay im lặng nghe bà nói. Ông nghe bằng cả người, như người miền Tây nghe nước lớn lên nước ròng xuống. Trong câu chuyện của bà thường có bóng dáng quê nhà: con rạch nhỏ, bờ ao có bụi chuối, những đêm canh nồi bánh tét dịp xuân mà bây giờ ông chỉ còn gặp trong giấc ngủ trưa. Ông ít khi kể về mình. Đời ông sau khi vợ mất, ngày nào cũng giống ngày nào, như con đường phủ tuyết, đi hoài vẫn chỉ một màu trắng. Bà tuy còn con cháu, nhưng nhiều khi ngồi giữa phòng khách sang trọng, nghe chúng nó nói tiếng Anh với nhau, bà thấy mình như một người khách lạ trong chính gia đình mình. Cái cô đơn của bà là cái cô đơn trong đông đúc, còn cái cô đơn của ông là cái cô đơn trong tĩnh không.

Bà biết ông cô đơn hơn bà. Bà không nói ra. Ở tuổi này, người ta thương nhau bằng cách giữ im lặng đúng lúc. Bà chỉ để ý những chi tiết nhỏ: hôm nào ông ho nhiều, bà pha trà gừng mang theo; hôm nào ông quên mang áo khoác, bà nhắc nhẹ một câu. Những quan tâm kín đáo như mưa phùn, không ướt áo liền nhưng ngấm lúc nào không hay. Có những buổi họ không nói gì nhiều. Chỉ ngồi nhìn ra cửa sổ, nơi hàng cây trụi lá đứng im, chờ xuân. Trong khoảng lặng đó, ông nghĩ tới vợ mình, tới những năm tháng hai người còn trẻ, còn nghèo mà vui. Bà nghĩ tới quãng đường đã đi qua, tới cái ngày rời quê, mang theo cả một đời ký ức. Hai nỗi nghĩ khác nhau, nhưng cùng chung một màu buồn tênh.

Ông hiểu, bà không thuộc về ông. Bà có gia đình, có những sợi dây ràng buộc ấm áp. Còn ông, chỉ là một bên nước cũ, may mắn có người ghé lại ngồi nghỉ chân. Nghĩ vậy, ông càng quý những buổi họp mặt hơn, quý từng lần được nghe bà kể chuyện. Ở tuổi xế chiều, tình cảm không còn ồn ào. Nó giống như ngọn đèn dầu đặt trong góc nhà: không sáng rực, nhưng đủ soi cho người ta thấy mình chưa hoàn toàn ở trong bóng tối. Ông và bà không gọi tên mối gắn bó đó. Họ chỉ biết, mỗi tuần còn có một buổi để chờ, một người để nhớ, là lòng đã bớt lạnh đi một chút giữa xứ người xa lạ. Và thế là đủ.

Con cháu bà dần dần biết chuyện.

Chiều London hôm ấy có vài cơn mưa nhỏ. Trong góc phòng họp mặt, ông ngồi khép nép hơn mọi khi, chiếc áo khoác cũ đã sờn cổ được ông cài kín mít như để che đi cái nghèo nàn đang bị người đời dòm ngó. Hôm nay sinh nhật bà. Con trai và con dâu vừa đưa bà đến. Lúc bước vào, họ lướt nhìn ông bằng ánh mắt lạnh lẽo như băng giá ngoài kia. Tiếng xầm xì của chúng bằng tiếng Anh, ông hiểu hết từ cái giọng điệu khinh khỉnh đến cái nhếch môi khi nhìn vào đôi giày cũ mòn của ông cũng đủ làm một người đàn ông từng là trụ cột gia đình thấy lòng nhói buốt. Họ không muốn bà “gần gũi” với một ông già đơn độc, nghèo nàn, sợ ông là gánh nặng, hoặc đơn giản là sợ cái hình ảnh “không môn đăng hộ đối” làm mờ đi cái vẻ thành đạt của họ ở xứ sở này.

Đến giờ giải lao, mọi người cùng ăn nhẹ. Con bà bày ra những hộp thức ăn sang trọng, nhưng khi ông lại gần, họ ý tứ kéo ghế ra xa, hoặc giả vờ bận rộn để không phải mời ông một tiếng. Ông đứng lặng, bàn tay run run cầm mẫu bánh mì khô khốc. Bà nhìn thấy hết. Bà đau cái đau của người đàn bà kẹt giữa một bên là thâm tình con cái, một bên là sự tri âm của người bạn già. Bà lẳng lặng gấp miếng chả lụa vào đĩa của ông, nói nhỏ, giọng run run:

- Ông đừng có để bụng... tụi nhỏ nó sống bên này lâu quá, cái tâm nó bị đóng băng rồi. Để tui ăn với ông cho vui.

Ông nhìn bà, đôi mắt u uất khế gợn sóng. Ông muốn đứng dậy bỏ về, cái tự trọng của một người đàn ông miền Tây "đói cho sạch, rách cho thơm" đang trỗi dậy. Nhưng nhìn thấy bàn tay bà đang run rẩy vì lo lắng cho mình, ông lại ngồi xuống. Ông thương bà hơn là giận lũ trẻ. Ông buồn. Buồn lặng. Không phải vì nghèo, mà vì cảm giác mình bị làm phiền. Cái nghèo ông đã mang theo từ quê qua tới xứ người, ông quen rồi. Nhưng ánh mắt coi thường thì vẫn làm tim người ta nhói, dù đã sống gần trọn một đời. Ông bắt đầu nghĩ tới việc không nên đến nữa, không nên làm bà khó xử giữa con cháu và một người dưng như ông. Bà biết. Bà luôn biết những điều người khác không nói ra.

Lúc ra về, khi con cháu bà đang mãi mê chào hỏi những người khác, bà nhanh tay dúm vào túi áo khoác rộng thùng thình của ông một bọc nylon trong đó có vài hộp nhỏ được gói kỹ trong giấy bạc. Bên trong là mấy cuốn gói cuốn bà tự tay làm, là miếng thịt kho tàu mềm rục đậm đà vị quê hương. Bà thầm thì: *"Nè đem về tối hôm lại mà ăn cho ấm bụng. Đừng có nhịn, tui xót..."* Ông nắm chặt lấy bọc đồ ăn qua lớp vải áo, cảm giác nó nóng hổi như vừa mới vớt ra từ nồi áp suất, hay chính là hơi ấm từ trái tim bà truyền qua? Ông không nói được lời nào, chỉ khế gật đầu, cổ họng nghẹn đắng.

Ông lầm lũi đi ra trạm xe buýt. Bóng ông đổ dài trên mặt đường sũng nước mưa thu. Ông hiểu, trong mắt lũ trẻ, ông là kẻ "đào mỏ" hay một ông già lắm cảm, nhưng trong mắt bà, ông là cả một khung trời kỷ niệm, là người duy nhất hiểu được tại sao bà lại khóc khi nghe một điệu hò Nam Ai, Nam Bình giữa lòng London. Tình già ở đây sao mà u uất quá. Nó không được phô trương dưới ánh đèn, mà phải giấu giếm trong túi áo, trong những món ăn vụn vặt và những lời dặn dò lén lút.

Ông mang những gói thức ăn ấy về căn chung cư im lìm của mình. Ông ăn chậm, ăn kỹ, như sợ hết quá nhanh. Mỗi miếng ăn không chỉ là no bụng, mà là một sự xác nhận âm thầm rằng trên đời này vẫn có người coi ông là người, không phải là gánh nặng hay cái bóng bên lề. Ông không dám đòi hỏi gì hơn. Ông giữ khoảng cách, giữ lòng tự trọng, giữ cả nỗi buồn cho riêng mình. Nhưng trong những đêm tuyết phủ kín ban công, khi hâm lại nồi cá kho bà giấu cho, mùi nước mắm bốc lên rất khế, ông biết: có những thứ không cần gọi tên, vẫn đủ để một người già sống tiếp qua mùa đông dài.

Rồi tới một buổi họp, chỗ ngồi quen đã trống.

Một tuần, rồi hai tuần... cái ghế trống đối diện ông trong câu lạc bộ đã bắt đầu lạnh lẽo cho đến khi người trưởng hội thông báo bà đã trút hơi thở cuối cùng đêm qua, trái tim ông như có một mảnh sành cứa vào, không đau rát nhưng máu rỉ ra âm thầm, lạnh ngắt. Ông đến đám tang với tư cách một người bạn đồng hương xa lạ. Ông mặc chiếc áo vest cũ kỹ, cài nút thật chặt để ngăn những cơn run rẩy của tuổi già và cả nỗi đau đang cuộn lên trong lồng ngực. Ông đứng lẫn vào đám đông, giữ khoảng cách với con cháu bà. Họ vẫn vậy, vẫn ánh mắt sắc lạnh, bận rộn với những nghi thức sang trọng mà có lẽ bà khi còn sống cũng chẳng mấy mặn mòi. Ông sợ họ thấy ông khóc. Ông sợ cái tình cảm kín đáo, tinh sạch như sương sớm của hai tâm hồn già nua bị họ vấy bẩn bằng những suy nghĩ thường tình. Ông cố nuốt nước mắt vào trong, khiến đôi mắt đục mờ càng thêm u uất.

Lợi dụng lúc con cháu bà đang bận tiếp khách phía sảnh ngoài, ông lầm lũi tiến lại gần linh cữu. Đôi bàn tay đôi mắt run run đặt lên bàn thờ những món quà mộc mạc mà ông đã chắt chiu mua từ những đồng tiền già ít ỏi: Một hộp mứt xừng Thiên Hương chính hãng từ Huế, một bịch trà Bảo Lộc hiệu Cây Thông mà bà ưa thích, thứ trà chất đắng lúc đầu nhưng ngọt hậu về sau. Một hộp bánh pía Sóc Trăng: Món quà quê hương của ông, cái vị ngọt của đậu xanh, vị béo của sầu riêng. Và cuối cùng, chai dầu gió xanh: Kỷ vật ngày đầu quen nhau bà đã tặng ông. Ông trả lại cho bà, không phải vì muốn đoạn tuyệt, mà vì ông muốn hơi ấm của nó sẽ theo bà sang bên kia thế giới. Ông đứng lặng, bóng dáng cô độc in trên nền hoa trắng xóa. Ông lâm râm, tiếng khấn chỉ đủ cho mình ông và linh hồn bà nghe thấy:

"Bà đi trước nha... Về dưới đó, chỗ có nắng ấm, có mùi bùn non, không còn tuyết lạnh, không còn những ánh

nhìn ghẻ lạnh đầu bà. Cầu ơn trên rước bà về cõi Phật. Thỉnh thoảng... bà có nhớ tui, nhớ cái mùi trà này, thì về thăm tui trong giấc chiêm bao, để tui còn thấy mình không đơn độc giữa cái thành phố mênh mông này..."

Lúc ông quay lưng bước đi, một cơn gió lạnh lùa qua cửa sổ làm khói nhang bay vòng rồi tan mất. Ông bước ra phố, chiếc bóng gầy guộc lọt thỏm giữa những tòa nhà cao tầng.

Từ nay, bọc thức ăn trong túi áo sẽ không còn nóng hổi, những câu chuyện về tiền già, về con cái sẽ chẳng còn ai để sẻ chia. Ông đi, mang theo cái nghèo, cái tự trọng và một khoảng trống mênh mông mà cả thành phố London này cũng không thể lấp đầy. Hóa ra, cái chết không đáng sợ bằng việc người duy nhất hiểu mình đã không còn nữa.

T. Nguyen